

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26-5-2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung
Ông Nguyễn Bá Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 545/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp RN, xã TY, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú tại: Tổ 5, khu phố HT, thị trấn LH, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã TT, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Th trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng Th và ông Nguyễn Công T tự nguyện chung sống cùng nhau từ năm 2014 nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã lẫn nhau làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Sau khi xảy ra mâu thuẫn thì giữa bà Th và ông T đã nhiều lần hòa giải, tìm nhiều biện pháp khắc phục nhưng vẫn không hàn gắn được.

Nay bà Th xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Th được ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Bà Th và ông T có 01 người con chung tên Nguyễn Hoàng Anh Th, sinh ngày 11-12-2014. Khi ly hôn bà Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng.

- *Về T sản chung, nợ chung*: Bà Th không yêu cầu giải quyết

*** Bị đơn ông Nguyễn Công T vắng mặt:**

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- *Về tố tụng*: Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ vào lời khai của đương sự nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông T là có thật và không thể hàn gắn được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, cho bà Th được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Th, ông T có 01 người con chung là cháu Thư hiện đang còn nhỏ. Xét hiện nay cháu Thư đang ở với bà Th và được bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần giao cháu Thư cho bà Th được quyền nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung, nợ chung: Bà Th không yêu cầu còn ông T vắng mặt và không có ý kiến nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết*:

Căn cứ theo nội dung Đơn khởi kiện và các T liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc vắng mặt của bị đơn:* Đối với ông Nguyễn Công T được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng đã từ chối nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung giải quyết:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Th và ông T chung sống với nhau từ năm 2014, đến năm 2018 thì cả hai mới đi làm thủ tục và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định. Do đó, hôn nhân của bà Th và ông T là hợp pháp.

Theo bà Th trình bày thì từ năm 2014 đến năm 2018 vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù về nguyên nhân để xảy ra mâu thuẫn chỉ là lời khai từ phía bà Th nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông T cũng không có ý kiến gì đối với lời khai này. Mặt khác, Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập ông T đến làm việc cũng như tạo điều kiện cho các bên hòa giải nhằm mục đích giúp các bên quay về chung sống cùng nhau nhưng ông T vẫn vắng mặt. Điều đó thể hiện ông T không có thiện chí để hàn gắn cuộc hôn nhân của mình.

Từ căn cứ trên, nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Th, ông T đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, cho bà Th được ly hôn với ông T.

[2.2] *Về con chung:*

Nhận thấy, từ khi bà Th và ông T ly thân đến nay thì bà Th là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thư. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống cũng như gây ảnh hưởng không tốt đến tâm lý của cháu Thư thì cần thiết giao cháu Thư cho bà Th được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Đối với việc bà Th không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con và đây là sự tự nguyện của bà Th nên ghi nhận.

[2.3] *Về T sản chung, nợ chung:* Bà Th không yêu cầu còn ông T không có ý kiến gì nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Th phải chịu 300.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà Th, ông T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng Th

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng Th được ly hôn với ông Nguyễn Công T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Anh Th, sinh ngày 11-12-2014 cho bà Nguyễn Hồng Th được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Công T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Công T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về T sản chung, nợ chung: Không giải quyết

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồng Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003952 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy, bà Th đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (riêng đối với người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Nghĩa